

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
Số: 956 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Thanh Hóa, ngày 18 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 516B, đoạn từ ngã tư thị trấn Quán Lào đi thị trấn Thống Nhất

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Văn bản số 463b/CV-HĐND ngày 30/10/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 516B đoạn từ ngã tư thị trấn Quán Lào đi thị trấn Thống Nhất;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 924/Ttr-SGTVT ngày 11/03/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 516B, đoạn từ ngã tư thị trấn Quán Lào đi thị trấn Thống Nhất với những nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 516B, đoạn từ ngã tư thị trấn Quán Lào đi thị trấn Thống Nhất

2. Chủ đầu tư : Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa.

3. Mục tiêu đầu tư : Từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông khu vực theo quy hoạch được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4123/QĐ-UBND ngày 12/12/2011, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông, giảm thiểu tai nạn trên tuyến đường, đáp ứng nhu cầu giao thông vận tải, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng trong vùng theo chủ trương đầu tư của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 463b/CV-HĐND ngày 30/10/2015.

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng.

4.1. Nội dung đầu tư:

Đầu tư cải tạo, nâng cấp 18,5Km đường tỉnh 516B đoạn từ Km22+200 đến Km40+700, cụ thể:

- Cải tạo, nâng cấp 11,054Km đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng theo TCVN 4054-2005; điểm đầu Km22+200 giao với Quốc lộ 45 tại Km49+983/QL45, điểm cuối Km34+274 giao với Quốc lộ 47B tại Km5+938/QL47B.

- Sửa chữa, láng nhựa 6,43Km mặt đường hiện tại; điểm đầu Km34+274 giao với Quốc lộ 47B tại Km5+938/QL47B, điểm cuối Km40+700 tại ngã ba thị trấn Thống Nhất.

4.2. Quy mô, tiêu chuẩn thiết kế và giải pháp kỹ thuật:

4.2.1. Bình đồ hướng tuyến:

Tuyến cơ bản đi trùng với tỉnh lộ 516B, cải tuyến cục bộ đoạn từ Km31+074 - Km34+274, với chiều dài 2,3km đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật cấp đường.

4.2.2. Trắc dọc:

- Đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn tần suất thiết kế, tuân thủ theo cao độ quy hoạch các trung tâm, cụm dân cư của tuyến đi qua; thực hiện theo Chỉ thị số 04/CT-BGTVT ngày 14/03/2014 của Bộ Giao thông vận tải; tần suất thiết kế H4%, cao độ vai đường cao hơn mực nước thiết kế H4% là 0,5m.

- Đảm bảo các điểm khống chế (điểm vượt nôi đường cũ, cao độ cầu...).

4.2.3. Mặt cắt ngang đường:

- Đoạn từ Km22+200 - Km34+274: Chiều rộng nền đường $B_n = 9\text{m}$, chiều rộng mặt đường $B_m = 7\text{m}$; chiều rộng lề đường $B_l = 2 \times 1,0\text{m}$; gia cố lề $0,5 \times 2\text{m}$ đất đá thải; đối với đoạn qua khu dân cư bố trí đan rãnh bằng bê tông, rãnh dọc bằng bê tông cốt thép có nắp đậy, bố trí hố thu kín hai bên rộng $0,9 \times 2 = 1,8\text{m}$;

- Đoạn từ Km34+274 - Km40+700: giữ nguyên hiện trạng đường cấp VI, chỉ đầu tư sửa chữa, láng nhựa mặt đường, đảm bảo tối thiểu mặt đường $B_m = 3,5\text{m}$.

4.2.4 Kết cấu áo đường:

Mặt đường thiết kế với kết cấu mặt đường cấp cao A2; cường độ mặt đường yêu cầu $E_{yc} \geq 130\text{Mpa}$, cụ thể như sau:

- Đoạn Km22+200 - Km22+700: giữ nguyên quy mô hiện trạng, chỉ bù vênh bằng đá dăm tiêu chuẩn, láng nhựa mặt đường cũ tiêu chuẩn nhựa 3,0 kg/m², bề rộng nền, mặt đường $B_n = 9\text{m}$, $B_m = 7\text{m}$, rãnh 2 bên tuyến;

- Đoạn Km22+700 - Km34+470:

- + Phần trên mặt đường cũ: Láng nhựa TCN 4.5kg/m² trên lớp bù vênh và lớp móng bằng đá dăm tiêu chuẩn. Riêng đối với đoạn trên đê Km26+836- Km26+960 thiết kế mặt đường bê tông xi măng M300, dày 24cm lót giấy dầu, cát tạo phẳng trên lớp móng đá dăm tiêu chuẩn dày 18cm;

- + Phần tuyến mở mới và cạp mở rộng mặt đường: Láng nhựa TCN 4.5kg/m² trên lớp móng đá dăm tiêu chuẩn

- Đoạn Km34+470- Km40+700: Xử lý sinh lún, vá ổ gà, bù vênh bằng đá dăm tiêu chuẩn, láng nhựa TCN 2,7Kg/m².

4.2.5. Công trình cầu (cầu Xuân Châu): Thiết kế mới, vượt kênh Nam Km30+853,15 với quy mô vĩnh cửu, bằng bê tông cốt thép chiều dài nhịp $L = 12\text{m}$; bề rộng toàn cầu $10,0\text{m}$ ($2 \times 0,5 + 9$); kết cấu mô cầu, hệ nhịp cầu bằng bê tông cốt thép; móng mô đặt trên đặt trên hệ cọc khoan nhồi bê tông cốt thép $D=1,0\text{m}$.

4.2.6. Hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang:

- Thoát nước dọc:

Thoát nước dọc bằng chảy tỏa và hệ thống rãnh dọc, các đoạn nền đào, thiết kế rãnh đất hình thang; đối với khu vực đông dân cư, thiết kế rãnh chịu lực có nắp đậy bằng bê tông cốt thép; bó vỉa, đan rãnh, cửa thu nước, cửa xả. Riêng các đoạn tuyến đi trùng muong đất, thiết kế cải muong đảm bảo dòng chảy hiện tại.

- Thoát nước ngang: Xây dựng vĩnh cửu, tải trọng H30-XB80, tần suất thiết kế P4%. khẩu độ $0,75\text{m} - 1,0\text{m}$, kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép.

4.2.7. Nút giao, đường ngang dân sinh:

- Nút giao: Thiết kế đảm bảo yếu tố kỹ thuật theo TCVN 4054 - 2005, kết cấu mặt đường giống kết cấu mặt đường trên tuyến.

- Đường ngang dân sinh: Tại các vị trí đường ngang dân sinh, thiết kế vuốt nổi êm thuận; kết cấu mặt đường bê tông xi măng và mặt đường láng nhựa.

4.2.8. Công trình an toàn giao thông: Bố trí hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2012/BGTVT.

5. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Quán Lào, các xã Định Tăng, Yên Lạc, Yên Thịnh, Yên Phú, Yên Giang và thị trấn thống Nhất, huyện Yên Định.

6. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm B, công trình giao thông cấp II.

7. Phương án GPMB, tái định cư: Giao UBND huyện Yên Định tổ chức thực hiện theo các quy định hiện hành bằng nguồn vốn của dự án.

8. Tổng mức đầu tư: 156.968.507.000 đồng .

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	83.239.839.000	đồng;
- Chi phí QLDA:	1.163.844.000	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	6.730.794.000	đồng;
- Chi phí khác:	4.318.585.000	đồng;
- Chi phí GPMB:	41.983.027.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	19.532.417.000	đồng.

9. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương (Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng)

10. Thời gian thực hiện: 05 năm (2016 - 2020).

11. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

12. Các bước thiết kế: Thiết kế 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế BVTC).

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng; Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm nghiên cứu thực hiện các ý kiến tại Báo thẩm định số 923/SGTVT-TĐKHKT ngày 11/3/2016 của Sở Giao thông vận tải và của các ngành, đơn vị liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày lý.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hoá; Chủ tịch UBND huyện Yên Định; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

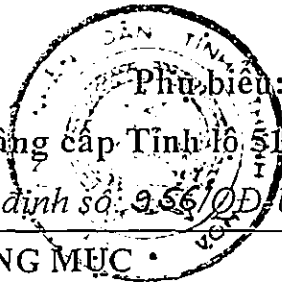
Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, CN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Anh Tuấn



Phụ biểu: TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐẦU TƯ

dự án: Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 516B đoạn từ ngã tư thị trấn Quán Lào đi thị trấn Thông nhất

(Kèm theo Quyết định số: 956/QĐ-UBND ngày 18 /3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	HẠNG MỤC	DIỄN GIẢI			THÀNH TIỀN
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG (Gxd)				83.239.839.000
1	Phần đường				78.801.998.000
2	Phần cầu				4.437.841.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN (Gda)	Gxd/1,1	x	1,538%	1.163.844.000
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (Gtv)				6.730.794.000
1	Chi phí khảo sát + lập dự án đầu tư	Quyết định số 143/QĐ-SGTVT ngày 19/02/2016 của Sở GTVT			2.557.446.000
2	Chi phí khảo sát bước TK BVTC	Tạm tính			1.000.000.000
3	Chi phí thiết kế BVTC	Gxd	x	1,079%	898.158.000
4	Lập HSMT, đánh giá HSDT xây lắp	Gxd	x	0,200%	166.480.000
5	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT Tư vấn giám sát	Gtvgs	x	0,200%	2.729.000
6	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT Tư vấn KSTK bước lập DAĐT	Gkstklda	x	0,200%	5.115.000
7	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT Tư vấn KSTK bước BVTC	Gkstkbtvc	x	0,200%	3.796.000
8	Chi phí giám sát, đánh giá dự án	Gda	x	20,000%	232.769.000
9	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Gxd	x	1,639%	1.364.301.000
10	Chi phí thẩm tra ATGT	Tạm tính			100.000.000

11	Chi phí thiết kế + cầm cọc GPMB, cầm mốc lộ giới.	Tạm tính			400.000.000
IV	CHI PHÍ KHÁC (Gk)				4.318.585.000
1	Chi phí chung				3.259.286.000
2	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	Gxd+Gda+Gtv+Gmb	x	0,011%	14.744.000
3	Chi phí bảo hiểm công trình	Gxd	x	0,215%	178.966.000
4	Chi phí thẩm định TK BVTC	Gxd/1,1	x	0,063%	47.674.000
5	Chi phí thẩm định dự toán	Gxd/1,1	x	0,061%	46.160.000
6	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Gxd+Gda+Gtv+Gmb	x 0,5 x	0,141%	94.150.000
7	Chi phí kiểm toán	(Gxd+Gda+Gtv+Gmb)*1,1	x	0,216%	315.933.000
8	Thẩm định HSMT và KQĐT xây lắp	Gxd/1,1	x	0,10%	75.673.000
9	Thẩm định HSMT và KQĐT tư vấn giám sát	Mức tối thiểu			2.000.000
10	Thẩm định HSMT và KQĐT tư vấn KSTK bước lập DADT	Mức tối thiểu			2.000.000
11	Thẩm định HSMT và KQĐT tư vấn KSTK bước lập TKBVTC	Mức tối thiểu			2.000.000
12	Chi phí kiểm tra của CQQL NN	Tạm tính theo Văn bản số 2814/BXD - GD ngày 30/12/2013 của Bộ Xây dựng			30.000.000
13	Chi phí rà phá bom mìn	Tạm tính			250.000.000
V	CHI PHÍ GPMB (Gmb)				41.983.027.000
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG				19.532.417.000
1	Chi phí dự phòng do phát sinh khối lượng	(Gxd+Gda+Gtv+Gk+Gmb)*1,1	x	10%	15.117.970.000
2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	(Gxd+Gda+Gtv+Gk+Gmb)*1,1	x	2,92%	4.414.447.000
VII	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V+VI)				156.968.507.000